

QUYẾT ĐỊNH

Phân công các thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh phụ trách các xã điểm giai đoạn 2016 - 2020 và phân công nhiệm vụ các Sở, ban ngành phụ trách tiêu chí nông thôn mới

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về quy định mức đạt chuẩn bộ tiêu chí xã nông thôn đối với từng khu vực trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017 – 2020;

Xét đề nghị của Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 08/TTr-VPĐP ngày 23/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công các thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh phụ trách các xã điểm giai đoạn 2016 - 2020 và phân công nhiệm vụ các Sở, ban ngành phụ trách tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh *(chi tiết tại các phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh được phân công phụ trách xã tiến hành xây dựng kế hoạch công tác, bố trí lịch làm việc cụ thể với địa bàn xã, huyện được phân công phụ trách *(ít nhất mỗi quý 1 lần)* để chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương và đề xuất UBND tỉnh xem xét có giải pháp nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc trong xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

2. Các Sở, ngành phụ trách tiêu chí nông thôn mới:

- Chủ động làm việc với UBND các huyện, thành phố để đánh giá kết quả đạt các tiêu chí nông thôn mới, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch thực hiện đối với các tiêu chí nông thôn mới do ngành mình phụ trách và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đến các địa phương (*đối với những tiêu chí đã đạt chuẩn xây dựng kế hoạch giữ vững và nâng cao mức đạt chuẩn tiêu chí*).

- Ưu tiên bố trí nguồn lực và lồng ghép các chương trình, dự án mà đơn vị đang quản lý để hỗ trợ, đầu tư xây dựng ở các xã nêu trên nhằm sớm đạt chuẩn, duy trì và nâng cao mức đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới.

- Định kỳ (6 tháng, 01 năm) báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh (*qua Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh*) để theo dõi, chỉ đạo.

3. UBND các huyện, thành phố và Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cấp huyện:

- Phê duyệt Kế hoạch, lộ trình thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cụ thể của từng xã. Riêng đối với những xã đã đạt chuẩn xã nông thôn mới tổ chức chỉ đạo xây dựng kế hoạch duy trì và nâng cao các tiêu chí nông thôn mới tiến tới xây dựng xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tập trung nguồn lực và huy động các nguồn vốn, bố trí ngân sách huyện và lồng ghép các chương trình, dự án để ưu tiên hỗ trợ cho các xã nêu trên bảo đảm phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới theo lộ trình đã đề ra.

- Chỉ đạo, phân công các Phòng, ban chuyên môn theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ các xã triển khai thực hiện chương trình; hướng dẫn các xã tự đánh giá các tiêu chí nông thôn mới theo quy định; phân công thành viên Ban Chỉ đạo cấp huyện phụ trách từng địa bàn xã để theo dõi, hướng dẫn và giúp các xã thực hiện Chương trình theo đúng thời gian, lộ trình đã đề ra.

- Định kỳ hàng quý (*trước ngày 25 của tháng cuối quý*) báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh (*qua Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh*) để theo dõi, chỉ đạo; đề xuất các biện pháp khắc phục tồn tại, vướng mắc để UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính hàng năm tham mưu UBND tỉnh cân đối ngân sách tỉnh và các nguồn khác để tham mưu UBND tỉnh ưu tiên hỗ trợ cho các xã phân đầu đạt chuẩn xã nông thôn mới theo đúng thời gian, lộ trình đã đề ra.

Kết quả hoàn thành xã nông thôn mới, đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới đảm bảo theo kế hoạch, lộ trình đã đề ra là cơ sở để UBND tỉnh xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của các Sở Ngành, địa phương và thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh.

Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổng hợp, theo dõi tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công của các Sở ngành, địa phương và

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 29/2/2016 của UBND tỉnh về việc lựa chọn xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum, phân công thành viên Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh phụ trách các xã giai đoạn 2016 - 2020 và phân công nhiệm vụ các Sở, ngành phụ trách tiêu chí nông thôn mới.

Điều 4. Trưởng ban Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành của tỉnh và các đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CT MTQG tỉnh;
- Văn phòng điều phối Chương trình NTM tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN4

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

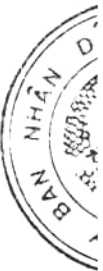


Nguyễn Văn Hòa

PHỤ LỤC I
PHÂN CÔNG THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC
TIÊU QUỐC GIA TỈNH PHỤ TRÁCH XÃ ĐIỂM

(Kèm theo Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

T T	Huyện, thành phố	Số xã	Tên xã điểm giai đoạn 2016 - 2020	Số tiêu chí đã đạt chuẩn đến năm 2016	Phân công thành viên Ban chỉ đạo tỉnh phụ trách, chỉ đạo xã	Năm đạt chuẩn
I	Các xã đã đạt chuẩn NTM đến năm 2016 (13 xã)					
1	Thành phố Kon Tum	1	Đoàn Kết		Lãnh đạo Sở Xây dựng	2014
		2	Hòa Bình		Lãnh đạo Sở Tư pháp	2015
		3	Ia Chim		Lãnh đạo Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	2015
2	Huyện Đắk Hà	1	Hà Mòn		Lãnh đạo Kho bạc Nhà nước tỉnh	2012
		2	Đắk Mar		Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	2014
		3	Đắk La		Lãnh đạo Cục Thống kê tỉnh	2015
3	Huyện Đắk Tô	1	Diên Bình		Lãnh đạo Ban Dân tộc	2015
		2	Tân Cảnh		Lãnh đạo Liên minh HTX tỉnh	2015
4	Huyện Sa Thầy	1	Sa Sơn		Lãnh đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2015
		2	Sa Nhơn		Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo	2016
5	Huyện Ngọc Hồi	1	Đắk Nông		Lãnh đạo Sở Công Thương	2016
		2	Đắk Kan		Lãnh đạo Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	2016
6	Huyện Kon Rẫy	1	Đắk Ruồng		Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2016
II	Các xã phấn đấu đạt chuẩn giai đoạn 2017 – 2020 (12 xã)					
1	Năm 2017	3				
-	Huyện Đắk Hà	1	Đắk Ngọc	10	Lãnh đạo Sở Y tế	2017



-	Thành phố Kon Tum	1	Đăk Năng	13	Lãnh đạo Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh	2017
-	Huyện Ngọc Hồi	1	Bờ Y	18	Lãnh đạo Sở Nội vụ	2017
2	Năm 2018	5				
-	Huyện Kon Plong	1	Pờ Ê	13	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	2018
-	Huyện Đăk Tô	1	Kon Đào	14	Lãnh đạo Sở LĐTB và XH	2018
-	Huyện Kon Rẫy	1	Đăk Tơ Lung	13	Lãnh đạo Công an tỉnh	2018
-	Huyện Đăk Gleiz	1	Đăk Môn	10	Lãnh đạo Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	2018
-	Thành Phố Kon Tum	1	Vinh Quang	13	Lãnh đạo Sở Khoa học Công nghệ	2018
4	Năm 2019	1				
-	Thành phố Kon Tum	1	Đăk Cẩm	11	Lãnh đạo Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	2019
5	Năm 2020	3				
-	Sa Thầy	1	Sa Nghĩa	13	Lãnh đạo Sở Giao thông Vận tải	2020
-	Tu Mơ Rông	1	Đăk Rơ Ông	9	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	2020
-	Huyện Đăk Tô	1	Ngọc Tụ	8	Lãnh đạo Sở Tài chính	2020
	Tổng số:	25				

PHỤ LỤC II
PHÂN CÔNG CÁC SỞ, NGÀNH CỦA TỈNH PHỤ TRÁCH TIÊU CHÍ NÔNG
THÔN MỚI THEO BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tiêu chí	Nội dung	Phân công phụ trách
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Sở Xây dựng
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. 2.2. Đường trục thôn, làng và đường liên thôn, làng ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. 2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa. 2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Sở Giao thông Vận tải
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên 3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn 4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	Sở Công Thương
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã (đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa thể thao và du lịch) 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định. 6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

11/10/2017

7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.	Sở Công Thương
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.	Sở Thông tin và Truyền thông
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	Sở Xây dựng
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người)	Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	Sở Lao động Thương binh và Xã hội
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	Sở Lao động Thương binh và Xã hội
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở. 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp). 14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Bảo hiểm Xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Y Tế Sở Y tế

		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (<i>chiều cao theo tuổi</i>)	Sở Y tế
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Sở Xây dựng
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Sở Y tế
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	Sở Y tế
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Sở Nội vụ
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Sở Tư pháp
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	



19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (<i>ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút</i>) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Công an tỉnh